

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2021/DS-ST.

Ngày: 06-8-2021.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Chấn

2. Ông Phan Sỹ Phác

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 307/2020/TLST-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: phường C, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: phường C, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn C - Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Đ

Địa chỉ: đường A, phường N, thành phố G, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế H (*Có mặt*) – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, Phòng giao dịch Đ.

Địa chỉ: số B đường N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quý L (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* bà Dương Thị Hồng D (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Ngày 14/9/2018, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, Phòng giao dịch huyện Đ và ông Nguyễn Quý L, bà Dương Thị Hồng D (địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ) có ký hợp đồng tín dụng số 0.../2018/7170500/HĐTD cho vay số tiền 420.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 14/9/2018 đến ngày 14/08/2019, lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, phạt vi phạm 0,1% trên nợ gốc vi phạm. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D tổng số tiền vay là 420.000.000 đồng. Để bảo đảm cho các khoản vay trên, giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Quý L, bà Dương Thị Hồng D đã ký hợp đồng thế chấp 01/2015/7170500/HĐTC ngày 26/5/2015 và được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 29/5/2015 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đối với các tài sản: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 49, diện tích 14.442m², địa chỉ tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đ đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 738921 cấp ngày 12/02/2015 đứng tên ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D; Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 47, diện tích 8.139m², địa chỉ tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đ đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 738920 cấp ngày 12/02/2015 đứng tên ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D.

Đến thời hạn trả nợ, ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D không thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay và tiền lãi phát sinh, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần có thông báo.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ đến ngày 06/8/2021 là 569.879.589 đồng, trong đó: nợ gốc là 420.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn 106.202.466 đồng và nợ lãi quá hạn 43.677.123 đồng (theo Hợp đồng

tín dụng số 0.../2018/7170500/HĐTD ngày 14/9/2018 vay số tiền 420.000.000 đồng) và phải tiếp tục chịu lãi theo quy định cho đến khi thanh toán xong theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D không trả nợ, Ngân hàng yêu cầu được phát mãi, xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

2. Đối với bị đơn ông Nguyễn Quý L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Hồng D trình bày trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ngày 14/9/2018, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, Phòng giao dịch huyện Đ và ông Nguyễn Quý L, bà Dương Thị Hồng D, (địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ) có ký hợp đồng tín dụng số 0.../2018/7170500/HĐTD để vay số tiền 420.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 14/9/2018 đến ngày 14/08/2019, lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, phạt vi phạm 0,1% trên nợ gốc vi phạm. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông bà vay tổng số tiền là 420.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, giữa Ngân hàng và vợ chồng ông bà đã ký hợp đồng thế chấp 01/2015/7170500/HĐTC ngày 26/5/2015 và được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 29/5/2015 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đối với các tài sản: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 49, diện tích 14.442m², địa chỉ tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đ đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 738921 cấp ngày 12/02/2015 đứng tên ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D; Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 47, diện tích 8.139m², địa chỉ tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đ đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 738920 cấp ngày 12/02/2015 đứng tên ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D. Vợ chồng ông bà đồng ý thanh toán nợ cho ngân hàng nhưng hiện nay kinh tế gia đình ông bà đang rất khó khăn nên đề nghị Ngân hàng được trả nợ dần số tiền trên. Trường hợp vợ chồng ông bà không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đúng thì ông bà đồng ý để Ngân hàng được yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/7170500/HĐTC ngày 26/5/2015 để thu hồi nợ.

Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D nhưng ông L và bà D đều vắng mặt tại phiên họp và tại phiên tòa không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên đề nghị xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D. Buộc ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền là 569.879.589 đồng, trong đó: nợ gốc 420.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn 106.202.466 đồng và lãi quá hạn 43.677.123 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp ông L và bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ đối với: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 49, diện tích 14.442m², địa chỉ tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đ đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 738921 cấp ngày 12 tháng 02 năm 2015 đứng tên ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D; Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 47, diện tích 8.139m², địa chỉ tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đ đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 738920 cấp ngày 12 tháng 02 năm 2015 đứng tên ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với số tiền 3.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự: bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 26.795.138 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình làm việc lấy lời khai ông L và bà D có mặt tham gia làm việc, tại phiên họp, hòa giải và tại phiên ông L, bà D đều vắng mặt không có lý do; Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

2. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về hợp đồng tín dụng:

[4]Theo hợp đồng tín dụng số 0.../2018/7170500/HĐTD cho vay số tiền 420.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 14/9/2018 đến ngày 14/08/2019, lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, phạt vi phạm 0,1% trên nợ gốc vi phạm. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên, ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D tổng số tiền vay là 420.000.000 đồng. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]Ngày 14/8/2019, khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông L và bà D không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm Điều 7 của hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D phải thanh toán số nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

[6]Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và ông L và bà D theo hợp đồng cho vay là phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất

quá hạn tạm tính đến ngày xét xử là ngày 06/8/2021, cụ thể: nợ lãi trong hạn 106.202.466 đồng và nợ lãi quá hạn 43.677.123 đồng. Ông L và bà D phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2.2. Đối với tài sản thế chấp:

[7]Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay, ông L và bà D đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 49, diện tích 14.442m², địa chỉ tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đ đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 738921 cấp ngày 12/02/2015 đứng tên ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D; Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 47, diện tích 8.139m², địa chỉ tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đ đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 738920 cấp ngày 12/02/2015 đứng tên ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D được công chứng tại Văn phòng công chứng V số 2911, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/5/2015 và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Như vậy, hợp đồng thế chấp mà các bên ký kết được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[8]Về tài sản thế chấp: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/12/2020 xác định: thửa đất số 89, tờ bản đồ số 49 và thửa đất số 73, tờ bản đồ số 47 tọa lạc tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đ. Đứng tên ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

[9]3. Đối với ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì trong quá trình giải quyết vụ án nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[10]4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số nợ được chấp nhận tính đến ngày xét xử sơ thẩm (20.000.000 đồng + 169.879.589 x 4% = 26.795.183 đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

[11]5. Về các chi phí tố tụng khác:

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)

chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[12] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (nguyên đơn) đối với ông Nguyễn Quý L (bị đơn) và bà Dương Thị Hồng D (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/8/2021) là 569.879.589 đồng, trong đó: nợ gốc là 420.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn 106.202.466 đồng và nợ lãi quá hạn 43.677.123 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2021), ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 49, địa chỉ tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đ đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 738921 cấp ngày 12/02/2015 đứng tên ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D; Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 47, địa chỉ tại xã T, huyện

Đ, tỉnh Đ đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 738920 cấp ngày 12/02/2015 đứng tên ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D phải nộp số tiền 26.795.183 đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn một trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 11.770.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0003608 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Quý L và bà Dương Thị Hồng D có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng